

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/HS-ST
Ngày 27-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ.

Bà Nguyễn Thị Nghĩa Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1996 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 66/18 tổ 3B, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Phan Thị Mộng Th; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/7/2021 đến ngày 10/7/2021 được trả tự do; bị bắt tạm giam lại vào ngày 05/01/2022, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Xuân Hoa, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Phan Thị Mộng Th, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1998 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 66/18 tổ 3B, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phan Thị Mộng T, không rõ tên cha; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/7/2021 đến ngày 10/7/2021 được trả tự do, có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH Một thành viên chuyên phát nhanh T, trụ sở tại: 199 Đ, Phường 15, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị Khánh P, sinh năm 1996, nơi cư trú: 22-24 H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Công ty TNHH S, trụ sở: Tầng 4-5-6, tòa nhà Capital Place, số 29 đường L, phường N, quận B, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1986, nơi cư trú: 120/60 V, Phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Phan Thị Mộng T, sinh năm 1977, nơi cư trú: 02/02 tổ 3B, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Bà Phan Thị Y, sinh năm 1998, có mặt.

- Bà Vòng Nhộc L, sinh năm 1988, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn S (Công ty S), có trụ sở tại đường L, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội, kinh doanh dưới hình thức sàn thương mại điện tử. Công ty TNHH một thành viên chuyển phát nhanh T (Công ty T), có trụ sở ở số 199, đường Đ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, kinh doanh dưới hình thức chuyển phát nhanh, thu tiền hộ. Ngày 01/11/2019, Công ty T ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ, giao nhận hàng, thu tiền hộ cho Công ty S. Mô hình hoạt động của Công ty S và Công ty T, cụ thể: mỗi nhân viên giao nhận hàng hóa của Công ty T sẽ sử dụng ứng dụng quản lý giao nhận hàng (gọi tắt là E3), để thông báo cho Công ty S biết về tình trạng giao hàng và số tiền đã thu hộ. Người bán hàng dùng số điện thoại di động đăng ký mở tài khoản bán trên S, còn người mua cũng dùng số điện thoại mở tài khoản bên mua. Sau khi bên mua và bán xác nhận mua bán hàng hóa với nhau và chọn Công ty T là đơn vị trung gian giao nhận hàng hóa thì nhân viên Công ty T lấy hàng của bên bán đem giao cho bên mua và thu tiền hộ. Mỗi nhân viên giao nhận hàng hóa được Công ty T cấp cho một tài khoản và mật khẩu đăng nhập vào phần mềm E3, mật khẩu ban đầu được công ty mặc định chung cho tất cả nhân viên giao nhận hàng hóa là “asd123”, và để bảo mật thì mỗi nhân viên phải thay đổi mật khẩu đăng nhập. Tuy nhiên, có những nhân viên giao nhận hàng hóa không thay đổi mật khẩu mà giữ nguyên mật khẩu “asd123” để đăng nhập vào phần mềm E3. Sau khi nhân viên giao hàng của Công ty T dùng phần mềm E3 xác nhận với Công ty S đã giao hàng và thu tiền thành công thì Shoppe có trách nhiệm ứng tiền trả trước cho bên bán thông qua tài khoản ví điện tử do người bán mở trên sàn giao dịch của Shoppe. Người bán sẽ vào ví điện tử này rút tiền (mỗi lần rút tiền, không quá 300.000.000 đồng), về tài khoản của mình mở tại các ngân hàng thương mại. Vào ngày hôm sau thì Công ty T phải quyết toán toàn bộ số tiền đã thu của khách hàng cho Công ty S. Ngoài ra, giữa Công ty T và Công ty S còn giao kết với nhau, nếu quá trình giao nhận hàng hóa, Công ty T làm mất hàng hóa của người bán thì Công ty S sẽ ứng tiền bồi thường cho người bán 100% giá trị món hàng có giá dưới 3.000.000 đồng, nếu hàng có giá trị từ 3.000.000 đồng trở lên thì Công ty S ứng tiền bồi thường cho người bán 80% giá trị món hàng. Sau đó, Công ty T có trách nhiệm chuyển trả lại số tiền mà công ty S đã bồi thường cho người bán.

Nguyễn Văn H làm nhân viên giao nhận hàng cho Công ty T từ năm 2019 đến tháng 5/2021 thì nghỉ nên H biết rõ quy trình giao nhận hàng hóa giữa Công ty S và Công ty T. Khoảng tháng 6/2021, H vào trang Facebook của H thì thấy những nhân

viên giao nhận hàng của Công ty T đăng danh sách thành tích và tiền thưởng. H thử dùng mật khẩu “asd123” để đăng nhập vào tài khoản 274x02.16696 của Phan Thị Y; tài khoản 274x020059 của Vòng Nhộc L và tài khoản 274x0267354 của Nguyễn Ngọc Minh A thì thành công. H nảy sinh ý định dùng mạng máy tính thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty S.

Ngày 25/6/2021, H dùng số thuê bao điện thoại 0967.412.594, mở tài khoản bán hàng trên sàn giao dịch điện tử của Shoppe với tên “haihai19996”, đồng thời H lấy số thuê bao điện thoại 0363.760.058 của vợ là Phan Thị Mộng Th, mở tài khoản bên mua tên “trongthai061994”, mặt hàng mua bán là ổ cứng máy tính (thực tế, hoàn toàn không có hàng hóa để mua bán). H dùng tài khoản bên mua xác nhận đã đồng ý mua 02 ổ cứng máy tính của bên bán với tổng số tiền 32.800.000 đồng và chọn Công ty T là đơn vị trung gian giao nhận hàng hóa, thu tiền hộ. H dùng tài khoản giao nhận hàng hóa 274x020059 của Vòng Nhộc L, xác nhận đã làm mất hàng hóa và theo thỏa thuận thì Công ty S ứng tiền bồi thường cho H bằng 80% giá trị món hàng và chuyển vào tài khoản ví điện tử của H mở trên S với số tiền 26.240.000 đồng.

Ngày 29/6/2021, với thủ đoạn trên, H tiếp tục dùng tài khoản bên bán là “haihai19996”, và dùng số điện thoại 0363.760.058 của Th, mở tài khoản bên mua với tên “Shophuycute”, H xác nhận đã mua bán thành công 11 đơn hàng, loại hàng là ổ cứng máy tính với tổng giá trị 216.729.000 đồng, chọn Công ty T là đơn vị trung gian giao nhận hàng hóa. H dùng tài khoản 274x02.16696 của Phan Thị Y và tài khoản 274x020059 của Vòng Nhộc L, xác nhận với Công ty S đã giao hàng và thu tiền thành công nên S ứng tiền trả trước và chuyển vào ví điện tử của H số tiền 216.729.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty S chuyển vào ví điện tử của H là 242.969.000 đồng. Sau khi có được tiền, H chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản số 1012560434 của Th mở tại ngân hàng Vietcombank.

Khi tiền được chuyển đến tài khoản của Th, ngân hàng báo số dư tài khoản qua tin nhắn điện thoại, Th hỏi H về nguồn gốc số tiền trên thì H nói cho Th biết số tiền trên là do H phạm tội có được nhưng Th vẫn giúp H đi rút toàn bộ số tiền 242.969.000 đồng để cùng nhau tiêu xài cá nhân.

Ngày 04/7/2021, H tiếp tục dùng số thuê bao điện thoại 0363.760.058 của mẹ vợ H là bà Phan Thị Mộng T, mở tài khoản bên bán trên Shoppe, tên “epyw5b3h6b”, đồng thời H lên trang mạng cho thuê sim điện thoại, H mở nhiều tài khoản bên mua rồi dùng tài khoản giao nhận hàng 274x0267354 của Nguyễn Ngọc Minh A, xác nhận với Shoppe mua bán thành công 26 đơn hàng là ổ cứng máy tính, với tổng số tiền 725.551.548 đồng. Shoppe chuyển toàn bộ số tiền trên đến ví điện tử của H mở trên Shoppe. Ngày 05/7/2021, H rút tiền thì bị Shoppe chặn lại vì Công ty T thông báo cho Shoppe biết đang bị lừa đảo (H chưa rút được tiền).

Qua truy xuất dòng tiền từ Th, đến ngày 08/7/2021, Cơ quan điều tra mời H, Th làm việc thì cả 02 thừa nhận hành vi phạm tội.

Số tiền 242.969.000 đồng, Công ty T đã bồi thường cho Công ty S.

Ngày 12/7/2021, Th đã nộp lại số tiền 242.969.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương. Ngày 27/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại toàn bộ số tiền trên cho Công ty T.

Cáo trạng số: 83/CT-VKSBD.P1, ngày 28 tháng 6 năm 2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Nguyễn Văn H về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Thị Mộng T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phan Thị Mộng Th phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khác phục hậu quả, bị cáo H có ông nội là Liệt sỹ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 08 năm đến 09 năm tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thị Mộng Th mức án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO Reno5, số IMEI 1: 865545053091318, có gắn sim ký hiệu 8984048000321816041; 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO số IMEI 1: 865545053092092, có gắn sim ký hiệu 8984048000036358119 là phương tiện bị cáo Hải sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị trả cho bị cáo Phan Thị Mộng Th: 01 thẻ ATM Vietcombank; 01 ATM Viettinbank, 01 máy Ipad số Model: A1490; 01 sim điện thoại số seri: 8984048000034742613.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo đã ăn năn hối cải nên xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời. Bị cáo H trình bày bổ sung: Trước đây cơ quan tiến hành tố tụng có mời luật sư Đỗ Thị Xuân Hoa bào chữa cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng nên bị cáo đã làm đơn từ chối người bào chữa, bị cáo xin lỗi bị hại.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày nội dung sự việc như bản cáo trạng nêu, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu gì thêm, đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Bà T mẹ vợ của bị cáo H, là mẹ ruột của bị cáo Th và sử dụng sim số điện thoại 0363760058, bị cáo H dùng số điện thoại này để mở tài khoản bên bán trên Shoppe thì bà hoàn toàn không biết, hiện sim số điện thoại này đã bị thu hồi, bà T không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người làm chứng Phan Thị Y trình bày: bà Y dùng mật khẩu “asd123” do Công ty T cấp và dùng tài khoản 274x02.16696 để giao dịch với khách hàng, ngày 29/6/2021, bà Y phát hiện tài khoản của mình bị người khác sử dụng thì báo với công ty và phát hiện H dùng tài khoản nên báo cơ quan công an.

Người làm chứng Vòng Nhộc L trình bày: bà L dùng mật khẩu “asd123” do Công ty T cấp và dùng tài khoản 274x020059 để giao dịch với khách hàng, ngày 25/6/2021 bị người khác sử dụng tài khoản để đặt hàng nhưng bà L không biết, đến ngày 29/6/2021, bà L phát hiện tài khoản của mình bị người khác sử dụng thì báo với công ty và phát hiện H dùng tài khoản nên báo cơ quan công an.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa Đỗ Thị Xuân Hoa vắng mặt, bị cáo Hải có đơn từ chối người bào chữa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 77, Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bào chữa.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Phan Thị Mộng Th đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Bị cáo Nguyễn Văn H đã từng là nhân viên giao nhận hàng cho Công ty T nên biết rõ quy trình giao nhận hàng hóa giữa Công ty S và Công ty T trên mạng viễn thông điện tử, phương thức tạm ứng chuyển tiền của Công ty S. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý ứng dụng phần mềm E3 của Công ty Thuận P, mật khẩu ban đầu được công ty mặc định chung cho tất cả nhân viên giao nhận hàng hóa là “asd123” nên H đã vào trang mạng này nhằm chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 25/6/2021, H dùng số thuê bao điện thoại 0967.412.594, mở tài khoản bán hàng trên sàn giao dịch điện tử của Shoppe với tên “haihai19996”, đồng thời Hải lấy số thuê bao điện thoại 0363.760.058 của vợ là Phan Thị Mộng Th, mở tài khoản bên mua tên “trongthai061994”, mật hàng mua bán là ổ cứng máy tính và dùng tài khoản giao nhận hàng hóa 274x020059 của Vòng Nhộc L để công ty Shoppe ứng tiền vào tài khoản ví điện tử của H mở trên Shoppe với số tiền 26.240.000 đồng.

Ngày 29/6/2021, H dùng tài khoản bên bán là “haihai19996” mở tài khoản bên mua với tên “Shophuycute” và dùng tài khoản 274x02.16696 của Phan Thị Y và tài khoản 274x020059 của Vòng Nhộc L để Công ty Shoppe ứng tiền chuyển vào ví điện tử của H số tiền 216.729.000 đồng.

Số tiền này, H chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản số 1012560434 của Th mở tại ngân hàng Vietcombank.

Ngày 04/7/2021, H tiếp tục mở tài khoản bên bán tên “epyw5b3h6b” và dùng tài khoản giao nhận hàng 274x0267354 của Nguyễn Ngọc Minh A để công ty Shoppe ứng tiền chuyển vào ví điện tử của H số tiền 725.551.548 đồng, nhưng chưa kịp rút thì ngăn chặn.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Thị Mộng Th biết số tiền 242.969.000 đồng mà Nguyễn Văn H chuyển vào tài khoản của mình là do Hải phạm tội mà có nhưng đã tiêu thụ số tiền này bằng hình thức rút tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản khác, hành vi bị cáo Th đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố Nguyễn Văn H về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Thị Mộng Th về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Th là phù hợp với hành vi bị cáo Th đã thực hiện; mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo H là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, xâm phạm về tài sản, uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giao dịch điện tử nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác tiêu xài cá nhân và lợi ích từ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Trong vụ án các bị cáo có quan hệ là vợ chồng, việc phạm tội mang tính giản đơn, trong đó bị cáo Hải giữ vai trò chính, bị cáo Thùy thực hiện hành vi phạm tội khi bị cáo Hải đã chuyển tiền vào tài của mình do đó khi quyết định hình phạt cần cân nhắc áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi các bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của của từng bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Thùy phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hải có ông nội là Nguyễn Văn S là Liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo Phan Thị Mộng Th có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội không gây nguy hiểm; mặt khác, giữa bị cáo H và bị cáo Th có quan hệ là vợ chồng, bị cáo Th phạm tội mang tính nhất thời khi bị cáo H đã chuyển tiền vào tài khoản của mình nên áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Th được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, học tập, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 242.969.000 đồng mà Công ty S chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn H, Công ty Thuận P đã bồi thường cho Công ty S. Các bị cáo

đã nộp lại số tiền 242.969.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để hoàn trả lại cho Công ty T. Công ty T và Công ty S không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO Reno5, số IMEI 1: 865545053091318, có gắn sim ký hiệu 8984048000321816041; 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO số IMEI 1: 865545053092092, có gắn sim ký hiệu 8984048000036358119 là phương tiện bị cáo Hải sử dụng vào việc phạm tội nên tích thu nộp ngân sách Nhà nước

Đối với 01 máy Ipad số Model: A1490; 01 sim điện thoại số seri: 8984048000034742613; 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Phan Thị Mộng T; 01 ATM Viettinbank mang tên Nguyễn Văn H, đây là tư vật của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo Phan Thị Mộng T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2022, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/7/2021 đến ngày 10/7/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo

Xử phạt Phan Thị Mộng Th 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 27/7/2022. Giao bị cáo Th cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO Reno5, số IMEI 1: 865545053091318, có gắn sim ký hiệu 8984048000321816041; 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO số IMEI 1: 865545053092092, có gắn sim ký hiệu 8984048000036358119

Trả lại cho bị cáo Phan Thị Mộng Th 001 máy Ipad số Model: A1490; 01 sim điện thoại số seri: 8984048000034742613; 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Phan Thị Mộng Th; 01 ATM Viettinbank mang tên Nguyễn Văn H.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Phan Thị Mộng Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (7);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (4);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, PHT, 21.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ

-

